

Số: 02/NQ-HĐND

Vĩnh Thủy, ngày 10 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH THỦY
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự án chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên các địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao chi tiết dự toán năm 2026 cho các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Theo đề nghị của UBND xã Vĩnh Thủy tại Tờ trình số: 1876/TTr-UBND ngày 26/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Theo Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân xã Vĩnh Thủy và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương.

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 24.717,92 triệu đồng, trong đó thu nội địa: 24.717,92 triệu đồng (địa phương hưởng 18.774,35 triệu đồng);

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 153.590,35 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 18.775,35 triệu đồng;
- Bổ sung từ ngân sách cấp trên: 134.815 triệu đồng;

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 153.590,35 triệu đồng.

- Chi xây dựng cơ bản: 11.677,35 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 93.238,00 triệu đồng.
- Chi dự phòng: 2.142,00 triệu đồng.
- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 46.533 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu số 15, 16, 17, 34, 35, 37 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Thủy khóa I, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 10 tháng 01 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày ký. *B*

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Quảng Trị (b/c);
- UBND tỉnh Quảng Trị (b/c);
- Sở Tài chính Quảng Trị (b/c);
- BTV Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các ĐB HĐND xã;
- Các đơn vị dự toán thuộc xã;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thu Hà



Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thụy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	So sánh (3)	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5=4-2	6=4/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	86.664,00	149.626,73	150.126,00	153.590,35	3.963,62	102,65
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.022,00	14.942,56	15.311,00	18.775,35	3.832,79	125,65
-	Thu NSDP hưởng 100%	596,00	1.184,81	5.130,00	5.130,00	3.945,19	432,98
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	426,00	13.757,75	10.181,00	13.645,35	(112,40)	99,18
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	85.642,00	133.463,00	134.815,00	134.815,00	1.352,00	101,01
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	77.063,00	77.063,00	88.282,00	88.282,00	11.219,00	114,56
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.579,00	56.400,00	46.533,00	46.533,00	(9.867,00)	82,51
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					-	
IV	Thu kết dư	-	516,58			(516,58)	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	704,59	-	-	(704,59)	
VI	Thu từ NS cấp dưới nộp lên					-	
B	TỔNG CHI NSDP	86.664,00	110.355,45	150.126,00	153.590,35	43.234,90	139,18
I	Tổng chi cân đối NSDP	78.297,00	110.355,45	103.593,00	107.057,35	(3.298,10)	97,01
1	Chi đầu tư phát triển (1)		7.223,40	8.283,00	11.677,35	4.453,95	161,66
2	Chi thường xuyên	77.222,00	103.132,05	93.238,00	93.238,00	(9.894,05)	90,41
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					-	
5	Dự phòng ngân sách	1.075,00		2.072,00	2.142,00	2.142,00	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	So sánh (3)	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	8.367,00	-	46.533,00	46.533,00	46.533,00	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.827,00	-			-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.540,00	-	46.533,00	46.533,00	46.533,00	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên					-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					-	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					-	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					-	

8



Biểu mẫu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán tỉnh giao năm 2026		Dự toán xã giao năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2
	TỔNG THU NSNN	14.942,56	1.439,47	18.944,00	15.311,00	24.717,92	18.775,35	165,42	1.304,32
I	Thu nội địa	14.942,56	1.439,47	18.944,00	15.311,00	24.717,92	18.775,35	165,42	1.304,32
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý								
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	101,97							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0,00	0,00						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.272,43	150,73	4.209,00	4.209,00	4.209,00	4.209,00	79,83	2.792,34
5	Thuế thu nhập cá nhân	641,89	327,36	380,00	380,00	380,00	380,00	59,20	116,08
6	Thuế bảo vệ môi trường								
7	Lệ phí trước bạ	3.685,00	105,00	4.445,00	4.445,00	4.445,00	4.445,00	120,62	4.233,33
8	Thu phí, lệ phí	289,87	88,75	215,00	215,00	215,00	215,00	74,17	242,25
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	22,21	22,21	5,00	5,00	5,00	5,00	22,51	22,51
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	91,02		225,00	192,00	225,00	192,00	247,20	
11	Thu tiền sử dụng đất	4.034,25		9.000,00	5.400,00	14.773,92	8.864,35	366,21	
12	Thu khác ngân sách	109,78	51,28	65,00	65,00	65,00	65,00	59,21	126,75
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	694,14	694,14	400,00	400,00	400,00	400,00	57,63	57,63

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán tỉnh giao năm 2026		Dự toán xã giao năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
II	Thu từ dầu thô								
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu								
IV	Thu viện trợ								



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HDND ngày 10/01/2026 của HDND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi quản lý hành chính	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	93.238,00	228,17	228,17	51.314,87	306,00	4.650,20	206,53	117,03	115,96	394,37	6.559,58	18.654,83	9.838,59	623,68
1	Văn phòng Đảng ủy	5.377,89				20,00							5.307,89		50,00
2	Văn phòng HĐND&UBND	7.817,68	205,35	205,35		20,00						170,00	5.943,63	1.125,00	148,35
3	UBMT TQVN xã	2.810,35				20,00							2.790,35		0,00
4	Phòng Kinh tế	2.924,90				20,00					170,00	1.052,32	1.602,58	10,00	70,00
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.549,69			510,00	155,40	4.511,22	50,00					1.593,23	8.679,84	50,00
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.185,08				20,00							1.165,08		
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.023,33				20,00		135,88	105,33	104,36		657,76			
8	Các đơn vị trường học thuộc xã quản lý	50.013,50	0,00	0,00	50.013,50										
-	Trường MN Vĩnh Lâm	5.229,70			5.229,70										
-	Trường MN Vĩnh Sơn	5.718,33			5.718,33										
-	Trường MN Vĩnh Thủy	6.801,61			6.801,61										
-	Trường TH Vĩnh Lâm	7.345,95			7.345,95										
-	Trường TH Vĩnh Thủy	6.806,25			6.806,25										
-	Trường THCS Chu Văn An	6.777,88			6.777,88										
-	Trường TH&THCS Vĩnh Sơn	11.333,78			11.333,78										
	+ TH	5.887,71			5.887,71										
	+ THCS	5.446,07			5.446,07										
9	UBND xã điều hành	5.297,58			181,05		122,09				150,00	4.478,24	123,38		242,82
10	Tiết kiệm lần 2 theo NQ số 245/2025/NQ-QH	1.238,00	22,82	22,82	610,32	30,60	16,89	20,65	11,70	11,60	74,37	201,27	128,70	23,75	62,51



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Làm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vinh Thuy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	141.913,00	0,00	141.913,00	0,00	0,00
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	93.238,00	0,00	93.238,00	0,00	0,00
1	Văn phòng Đảng ủy	5.377,89		5.377,89		
2	Văn phòng HĐND&UBND	7.817,68		7.817,68		
3	UBMT TQVN xã	2.810,35		2.810,35		
4	Phòng Kinh tế	2.924,90		2.924,90		
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.549,69		15.549,69		
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.185,08		1.185,08		
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.023,33		1.023,33		
8	Các đơn vị trường học thuộc xã quản lý	50.013,50		50.013,50		
-	Trường MN Vinh Lâm	5.229,70		5.229,70		
-	Trường MN Vinh Sơn	5.718,33		5.718,33		
-	Trường MN Vinh Thuy	6.801,61		6.801,61		
-	Trường TH Vinh Lâm	7.345,95		7.345,95		
-	Trường TH Vinh Thuy	6.806,25		6.806,25		
-	Trường THCS Chu Văn An	6.777,88		6.777,88		
-	Trường TH&THCS Vinh Sơn	11.333,78		11.333,78		
	TH	5.887,71		5.887,71		
	THCS	5.446,07		5.446,07		
9	UBND xã điều hành	6.535,58		6.535,58		
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	0,00				
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	0,00				
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.142,00		2.142,00		
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0,00				
VI	CHI BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	46.533,00		46.533,00		
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN CHO NGÂN SÁCH NĂM SAU	0,00		0,00		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thụy)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	I
TỔNG CHI NSDP		153.590,35
I	Chi đầu tư phát triển	11.677,35
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.677,35
-	Chi quốc phòng	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	414,00
-	Chi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	290,00
-	Chi các hoạt động kinh tế	10.973,35
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	93.238,00
-	Chi quốc phòng	228,16
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	228,16
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.314,87
-	Chi khoa học công nghệ	306,00
-	Chi y tế, dân số và gia đình	4.650,21
-	Chi văn hóa thông tin	206,53
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	117,03
-	Chi thể dục thể thao	115,96
-	Chi bảo vệ môi trường	394,37
-	Chi các hoạt động kinh tế	6.559,59
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	18.654,84
-	Chi bảo đảm xã hội	9.838,59
-	Chi thường xuyên khác	623,69
III	Dự phòng ngân sách	2.142,00
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
IV	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.533,00

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	141.041,0	153.590,35	12.549,3	108,9
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	123.756,0	107.057,35	(16.698,7)	86,5
I	Chi đầu tư phát triển (1)	-	11.677,35	11.677,4	
1	Chi đầu tư cho các dự án		11.677,35	11.677,4	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			-	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		414,00		
-	Chi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo		290,00		
-	Chi lĩnh vực kinh tế		10.973,35		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		8.794,35		
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước		2.883,00		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	77.222,0	93.238,00	16.016,0	120,7
	Trong đó:			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.535,0	51.664,00	129,0	100,3
2	Chi khoa học và công nghệ (2)		306,00	306,0	
III	Dự phòng ngân sách	1.075,0	2.142,00	1.067,0	199,3
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.113,0		(3.113,0)	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	8.367,0	46.533,00	38.166,0	556,1
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.540,0		(1.540,0)	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.827,0	46.533,00	39.706,0	681,6
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		-	

8